

Phật nói Kinh A Di Đà

Dao Tân, Tam Tạng Pháp-sư Cưu Ma La Thập dịch (bản
Hán Việt)

**THE SUTRA ON AMITĀYUS BUDDHA
DELIVERED BY SAKYAMUNI BUDDHA
(C)**

Translated into Chinese during the Yao-Qin Dynasty by Tripitaka
Master Kumārajīva of Kucha

Translated from the Chinese By Hisao Inagaki in collaboration with
Harold Stewart

Revised Second Edition

Copyright © 1995, 2003 by Bukkyō Dendō Kyōkai and
Numata Center for Buddhist Translation and Research

All rights reserved. No part of this book may be reproduced, stored in a
retrieval system, or transcribed in any form or by any means —electronic,
mechanical, photocopying, recording, or otherwise— without the prior
written permission of the publisher.

Revised Second Edition, First Printing, 2003

ISBN: 1-886439-18-4

Library of Congress Catalog Card Number: 2003109307

Published by

Numata Center for Buddhist Translation and Research
2620 Warring Street Berkeley, California 94704

Used by permission of Bukkyo Dendo Kyokai www.bdkamerica.org



1
Ta nghe như vậy: Một thuở nọ Đức Phật ở vườn Kỳ Thọ, cấp Cô Độc nước Xá-Vệ, cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ kheo, đều là bậc Đại A La Hán, như là:

Trưởng lão Xá-Lợi-Phất, Mục-Kiền-Liên, Ca-Diếp, Ca-Chiên-Diên, Ma-Ha Câu-Hy-La, Ly-Bà-Đa, Châu-Lợi-Bàn-Đà-Già, Nan-Đà, A-Nan-Đà, La-Hầu-La, Kiều-Phạm-Ba-Đề, Tân Đầu-Lư-Phả-La-Đọa, Ca-Lưu-Đà-Di, Ma-Ha

1
Thus have I heard. At one time the Buddha was staying in the Jeta Grove monastery of Anāthapiṇḍada's Garden at Śrāvastī, together with a large assembly of twelve hundred and fifty monks who were all great arhats well known to the people. Among them were great disciples such as the elders Śāriputra, Mahāmaudgalyāyana, Mahākāśyapa, Mahākātyāyana, Mahākauṣṭhila, Revata, Śuddhipanthaka, Nanda, Ānanda, Rāhula, Gavāṃpati, Piṇḍola-Bhāradvāja, Kālodayin, Mahākapphiṇa, Vakkula, and Aniruddha.



Kiếp Tân Na, Bạc-Câu-La, A-Nâu-Lâu-Đà, những vị đại đệ tử như thế.

Và hàng Đại Bồ Tát, Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ Tát, A-Dật-Đa Bồ Tát, Càn-Đà-Ha-Đề Bồ tát, Thường-Tinh-Tân Bồ tát... các vị Đại Bồ tát như thế với vô lượng chư Thiên như ông Thích-Đề-Hoàn-Nhơn v.v... toàn thể đều đến dự hội [4]

He was also accompanied by many bodhisattva mahāsattvas, such as Dharma Prince Mañjuśrī, Bodhisattva Ajita, Bodhisattva Sweet-smelling Elephant, and Bodhisattva Constant Endeavor, and by innumerable devas, including Śakra, lord of the gods, and many others.



2

Bấy giờ đức Phật bảo ngài Trưởng lão Xá-Lợi-Phất: “Từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc, trong thế giới đó có đức Phật hiệu là A Di Đà hiện nay đang nói pháp.

2

The Buddha then said to Elder Śāriputra: “If you travel westward from here, passing a hundred thousand kotis of Buddha lands, you will come to the land called Utmost Bliss, where there is a Buddha named Amitāyus.³⁸ He is living there now, teaching the Dharma.

3

Xá Lợi Phất! Cõi đó vì sao tên là Cực lạc?
Vì chúng sanh trong cõi đó không có bị những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên nước đó tên

3

“Śāriputra, why is that land called Utmost Bliss?”
The beings in that land suffer no pain but only enjoy pleasures of various kinds. For this reason, that land is called Utmost



là Cực Lạc.[6]

Xá Lợi Phất! Lại trong cõi Cực Lạc có bảy tầng bao lơn, bảy tầng màn lưới, bảy tầng hàng cây, đều bằng bốn chất báu bao bọc giáp vòng, vì thế nên nước đó tên là Cực Lạc. [7]

Xá Lợi Phất! Lại trong cõi Cực Lạc có ao bằng bảy chất báu, trong ao đầy đủ nước tám công đức, đáy ao thuần dùng cát vàng trải làm đất. Vàng bạc, lưu ly, pha lê hiệp thành những thềm, đường

Bliss.

Again, Śāriputra, in the Land of Utmost Bliss there are seven rows of balustrades, seven rows of decorative nets, and seven rows of trees. They are all made of four kinds of jewels and extend over the whole land, encompassing everything. For this reason, that land is called Utmost Bliss.

Again, Śāriputra, in the Land of Utmost Bliss there are seven jeweled ponds filled with water possessing the eight excellent qualities. The beds of the ponds are covered solely with gold sand, and from the four sides of each bed rise stairs of



ở bốn bên ao; trên thêm đường có
lầu gác cũng đều nghiêm sức
bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa
cừ, xích châu, mã não.

Trong ao có hoa sen lớn như
bánh xe: hoa sắc xanh thì ánh
sáng xanh, sắc vàng thì ánh sáng
vàng, sắc đỏ thì ánh sáng đỏ, sắc
trắng thì ánh sáng trắng, màu
nhiệm thơm tho trong sạch. [8]

Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc
trộn nên công đức trang nghiêm
dường ấy.

gold, silver, beryl, and crystal. Above these
stand pavilions adorned with gold, silver,
beryl, crystal, sapphire, rosy pearls, and
cornelian.

In the ponds are lotuses as large as chariot
wheels—the blue ones radiating a blue
light, the yellow a yellow light, the red a
red light, and the white a white light. They
are marvelous and beautiful, fragrant and
pure.

Śāriputra, the Land of Utmost Bliss is
filled with such splendid adornments.



Xá Lợi Phất! Lại trong cõi nước của đức Phật đó, thường trỗi nhạc trời, đất bằng vàng ròng, ngày đêm sáu thời rưới hoa trời mạn đà la.

Chúng sanh trong cõi đó sáng sớm, thường mang hoa tốt cúng dường mười muôn ức đức Phật ở phương khác,

đến giờ ăn liền trở về bốn quốc ăn cơm xong đi kinh hành. [9]

“Again, Śāriputra, in that Buddha land heavenly music is played continually. The ground is made of gold. Six times during the day and night mādārava flowers rain down from the sky.

Every day, in the serenity of early morning, the people of that land fill the hems of their robes with exquisite flowers and go to make offerings to a hundred thousand kotis of Buddhas dwelling in the worlds of all the other directions. Then they return to the Pure Land for their morning meal. After the meal they enjoy a



Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc
trộn nên công đức trang nghiêm
dường ấy.

Lại nữa, Xá-Lợi-Phất! Cõi đó
thường có những giống chim màu
sắc xinh đẹp lạ thường, nào chim
Bạch hạc, Khổng-tước, Anh-võ,
Xá-lợi, Ca-lăng-tần-già, Cọng-
mạng;

Những giống chim đó ngày đêm
sáu thời kêu tiếng hòa nhã. Tiếng
chim đó diễn nói pháp môn như
ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần,

stroll.

Śāriputra, the Land of Utmost Bliss is
filled with such splendid adornments.

“Again, Śāriputra, in that land there are
always many kinds of rare and beautiful
birds of various colors, such as white
geese, peacocks, parrots, śāris, kalaviṅkas,
and jīvaṃjīvakas.

Six times during the day and night birds
sing with melodious and delicate sounds,
which proclaim such teachings as the five
roots of good, the five powers, the seven



bát thánh đạo phần v.v... Chúng sanh trong cõi đó nghe tiếng chim xong thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng!

Xá-Lợi-Phất! Ông chớ cho rằng những giống chim đó do tội báo sanh ra. Vì sao?

Vì cõi của đức Phật đó không có ba đường dữ, không có tên ba đường dữ huống gì lại có sự thật. Những giống chim đó do đức Phật A Di Đà muốn cho tiếng pháp được tuyên lưu mà biến hóa

practices leading to enlightenment, and the Noble Eightfold Path. On hearing them, all the people of that land become mindful of the Buddha, Dharma, and Sangha.

But, Śāriputra, you should not assume that these birds are born as retribution for evil karma.

The reason is that none of the three evil realms exists in that Buddha land. Śāriputra, even the names of the three evil realms do not exist there; how much less the realms themselves! These birds are manifested by Amitāyus so that their



ra.[10]

Xá-Lợi-Phất! Trong cõi nước của đức Phật đó, gió nhẹ lung lay các hàng cây báu và màn lưới báu, làm vang ra tiếng vi diệu, như trăm nghìn thứ nhạc đồng hòa một lúc.

Người nghe tiếng đó, đều sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá-Lợi-Phất! Cõi đức Phật A Di

singing can proclaim and spread the Dharma.

“In that Buddha land, Śāriputra, when soft breezes waft through the rows of jeweled trees and jeweled nets they produce subtle, wonderful sounds. It is as if a hundred thousand musical instruments were playing together.

Everyone who hears the sounds spontaneously becomes mindful of the Buddha, Dharma, and Sangha.

Śāriputra, that Buddha land is filled with



Đà trợn nên công đức trang
nghiêm dường ấy.

such splendid adornments.



4
Xá-Lợi-Phất! ý ông nghĩ sao?
Đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà?

Xá-Lợi-Phất! Đức Phật đó, hào quang sáng chói vô lượng, soi sáng các nước trong mười phương không bị chướng ngại vì thế nên hiệu là A Di Đà.

Xá-Lợi-Phất! Đức Phật đó và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, nên hiệu là A Di Đà. [11]

4
“For what reason, Śāriputra, do you think that Buddha is called Amitābha?

Śāriputra, the Buddha’s light shines boundlessly and without hindrance over all the worlds of the ten directions. It is for this reason that he is called Amitābha.

Again, Śāriputra, the lives of the Buddha and the people of his land last for innumerable, unlimited, and incalculable kalpas. It is for this reason that the Buddha

Xá-Lợi-Phất! Đức Phật A Di Đà từ ngày thành Phật đến nay, đã được mười kiếp.

Xá-Lợi-Phất! Lại đức Phật đó có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử đều là bậc A La Hán, chẳng phải tính đếm mà biết được, hàng Bồ tát cũng đông như thế.

Xá-Lợi-Phất! Cõi nước của đức Phật đó tròn nên công đức trang

is called Amitāyus.

Śāriputra, ten kalpas have passed since Amitāyus attained enlightenment.

Moreover, Śāriputra, he has an immeasurable and unlimited number of śrāvaka disciples, all of them arhats, whose number cannot be reckoned by any means. His assembly of bodhisattvas is similarly vast.

Śāriputra, that Buddha land is filled with such splendid adornments.

nghiêm dường ấy.	
------------------	--



5

Xá-Lợi-Phát! Những chúng sanh trong cõi Cực Lạc, đều là bậc bất thối chuyển.

Trong đó có rất nhiều vị nhất sanh bồ xú, số đó rất đông, chẳng phải tính đếm mà biết được, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên a-tăng-kỳ để nói thôi!

Xá-Lợi-Phát! Chúng sanh nào nghe những điều trên đây, nên phát nguyện sanh về nước đó. Vì sao? Vì được câu hội một chỗ với

5

“Again, Śāriputra, all sentient beings born in the Land of Utmost Bliss dwell in the stage of non-retrogression.

Many of them are in the stage of becoming a Buddha after one more life. Their number is so great that it is beyond reckoning; it can only be described as innumerable, unlimited, and incalculable.

“Śāriputra, those sentient beings who hear of that land should aspire to be born there. Why? Because they will be able to meet such sages of supreme virtue.



các bậc Thượng thiện nhân. [12]

Xá-Lợi-Phất! Chẳng có thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhỏ duyên mà được sanh về cõi đó.

Xá-Lợi-Phất! Nếu có thiện nam, tín nữ nghe nói đức Phật A Di Đà, trì niệm danh hiệu của đức Phật đó,

hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng không tạp loạn.

Śāriputra, one cannot attain birth in that land with few roots of good or a small store of merit.

Śāriputra, if a good man or woman who hears of Amitāyus holds fast to his Name

even for one day, two days, three, four, five, six, or seven days with a concentrated and undistracted mind, then:

Đến lúc lâm chung đức Phật A Di Đà cùng hàng Thánh Chúng hiện thân trước người đó.

Lúc chết tâm thần không điên đảo, người đó liền được vãng sanh về cõi Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. [13]

Xá-Lợi-Phất! Nếu có chúng sinh nào, nghe những lời lợi ích trên đây, nên phát nguyện sanh về cõi nước Cực Lạc.

1. at the hour of death, Amitāyus will appear with a host of holy ones.

2. Consequently, when their life comes to an end, the aspirants' minds will not fall into confusion and so they will be born immediately in the Land of Utmost Bliss of Amitāyus.

Śāriputra, perceiving these benefits, I say: All sentient beings who hear this teaching should aspire to birth in that land.

6
Xá-Lợi-Phất! Như Ta hôm nay
ngợi khen công đức lợi ích không
thể nghĩ bàn của đức Phật A Di
Đà, phương Đông cũng có A-
Súc-Bệ-Phật, Tu-Di-Tướng Phật,
Đại-Tu-Di Phật, Tu-Di-Quang
Phật, Diệu-Âm Phật; Hằng hà sa
số đức Phật như thế đều ở tại
nước mình, hiện ra tướng lưỡi
rộng dài trùm khắp cõi tam thiên
đại thiên nói lời thành thật rằng:
“Chúng sanh các người phải nên
kính tín và khen ngợi công đức
không thể nghĩ bàn của kinh này,

6
“Śāriputra, just as I praise the inconceivable
virtue of Amitāyus, so do the buddhas in the
eastern direction as numerous as the sands of
the Ganges River, such as Akṣobhya Buddha,³⁹
Merudhvaja Buddha, Mahāmeru Buddha,
Meruprabhāsa Buddha, and Mañjusvara
Buddha. While dwelling in their own lands,
they extend their long, broad tongues and,
encompassing with them the universe of a
thousand million worlds, pronounce these
words of truth: Sentient beings should accept
this sutra entitled ‘Praise of the Inconceivable
Virtue and Protection by All Buddhas.’

Chư Phật thường hộ niệm”.



7
Xá-Lợi-Phất! Thế giới phương Nam, có Nhật- Nguyệt-Đăng Phật, Danh-Văn-Quang Phật, Đại-Diệm-Kiên Phật, Tu Di-Đăng Phật, Vô-Lượng-Tinh-Tấn Phật... Hằng hà sa số đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh các người phải nên kính tín và khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của kinh này, Chư Phật thường hộ niệm”..

7
“Śāriputra, there are in the southern direction Buddhas as numerous as the sands of the Ganges River, such as Candrasūryapradīpa Buddha, Yaśasrabha Buddha, Mahārciskandha Buddha, Merupradīpa Buddha, and Anantavīrya Buddha. While dwelling in their own lands, they extend their long, broad tongues and, encompassing with them the universe of a thousand million worlds, pronounce these words of truth: Sentient beings should accept this sutra entitled ‘Praise of the Inconceivable Virtue and Protection by All Buddhas.’

8

Xá-Lợi-Phất! Thế giới phương Tây, có Vô Lượng-Thọ Phật, Vô-Lượng-Tướng Phật, Vô-Lượng-Tràng Phật, Đại Quang Phật, Đại-Minh Phật, Bửu-Tướng Phật, Tịnh-Quang Phật... Hằng hà sa số đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh các người phải nên kính tín và khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của kinh này, Chư Phật thường hộ niệm”.

8

“Śāriputra, there are in the western direction Buddhas as numerous as the sands of the Ganges River, such as Amitāyus Buddha, Amitaketu Buddha, Amitadhvaja Buddha, Mahāprabha Buddha, Mahāprabhāsa Buddha, Ratnaketu Buddha, and Śuddharaśmiprabha Buddha. While dwelling in their own lands, they extend their long, broad tongues and, encompassing with them the universe of a thousand million worlds, pronounce these words of truth: Sentient beings should accept this sutra entitled ‘Praise of the Inconceivable Virtue and Protection by All Buddhas.’”

9
Xá-Lợi-Phất! Thế giới phương Bắc, có Diệm-Kiên-Phật, Tối-Thắng-Âm Phật, Nan-Trở Phật, Nhứt-Sanh Phật, Vãng-Minh Phật... Hằng hà sa số đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh các người phải nên kính tín và khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của kinh này, Chư Phật thường hộ niệm”..

9
“Śāriputra, there are in the northern direction Buddhas as numerous as the sands of the Ganges River, such as Arciskandha Buddha, Vaiśvānaranirghoṣa Buddha, Duṣpradharṣa Buddha, Ādityasaṃbhava Buddha, and Jālinīprabha Buddha. While dwelling in their own lands, they extend their long, broad tongues and, encompassing with them the universe of a thousand million worlds, pronounce these words of truth: Sentient beings should accept this sutra entitled ‘Praise of the Inconceivable Virtue and Protection by All Buddhas.’

10

Xá-Lợi-Phất! Thế giới phương dưới, có Sư-Tử Phật, Danh-Văn Phật, Danh-Quang Phật, Đạt-Mạ Phật, Pháp-Tràng Phật, Trì-Pháp Phật... Hằng hà sa số đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh các người phải nên kính tín và khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của kinh này, Chư Phật thường hộ niệm”..

10

“Śāriputra, there are in the nadir Buddhas as numerous as the sands of the Ganges River, such as Simha Buddha, Yaśas Buddha, Yaśasprabhāsa Buddha, Dharma Buddha, Dharmadhvaja Buddha, and Dharmadhara Buddha. While dwelling in their own lands, they extend their long, broad tongues and, encompassing with them the universe of a thousand million worlds, pronounce these words of truth: Sentient beings should accept this sutra entitled ‘Praise of the Inconceivable Virtue and Protection by All Buddhas.’

11

Xá-Lợi-Phật! Thế giới phương trên, có Phạm-Âm Phật, Tú-Vương Phật, Hương-Thượng Phật, Hương-Quang Phật, Đại-Diệm-Kiên Phật, Tạp-Sắc Bửu-Hoa-Nghiêm-Thân Phật, Ta La-Thọ-Vương Phật, Bửu-Hoa Đức Phật, Kiến-Nhất-Thiết-Nghĩa Phật, Như-Tu-Di-Son Phật... Hằng hà sa số đức Phật như thế, đều ở tại nước mình, hiện ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp cõi tam thiên đại thiên nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh các người

11

“Śāriputra, there are in the zenith Buddhas as numerous as the sands of the Ganges River, such as Brahmaghoṣa Buddha, Nakṣatrarāja Buddha, Gandhottama Buddha, Gandhaprabhāsa Buddha, Mahārciskandha Buddha, Ratnakusumasamṣpitagātra Buddha, Śālendrarāja Buddha, Ratnotpalaśrī Buddha, Sarvārthadarśa Buddha, and Sumerukalpa Buddha. While dwelling in their own lands they extend their long, broad tongues and, encompassing with them the universe of a thousand million worlds, pronounce these words of truth: Sentient beings should accept this sutra entitled ‘Praise of the Inconceivable Virtue and Protection by



phải nên kính tín và khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của kinh này, Chư Phật thường hộ niệm”.. [14]

All Buddhas.’

12

Xá-Lợi-Phất! ý của ông nghĩ thế nào, vì sao Chư Phật thường khen ngợi kinh này?

Xá-Lợi-Phất! Nếu có người nào nghe kinh này mà thọ trì, và nghe danh hiệu của các đức Phật, thời người ấy được Chư Phật ủng hộ, và được giác ngộ giải thoát [*được không thối chuyển nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác*].

Xá-Lợi-Phất! Cho nên các ông đều phải tin nhận lời của Ta và của các đức Phật nói.

12

“Śāriputra, why do you think this teaching is called the ‘Sutra of Protection by All Buddhas’?”

Śāriputra, all good men and women who hear this sutra and hold fast to it, and also those who hear the names of those Buddhas,⁴⁰ are protected by all the Buddhas and dwell in the stage of non-retrogression for realizing highest, perfect enlightenment.

This is why, Śāriputra, you should accept my words in faith and the teachings of all the Buddhas.

Xá-Lợi-Phất! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, và sẽ phát nguyện sanh về cõi của đức Phật A Di Đà, thời những người ấy đều đặng không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; [*nơi cõi nước kia, hoặc đã sanh về rồi, hoặc hiện nay sanh về, hoặc sẽ sanh về*].

Xá-Lợi-Phất! thiện nam [*thiện*] tín nữ nào có lòng tin nên phát nguyện sanh về cõi kia.

“Śāriputra, those who have already aspired, now aspire, or in the future will aspire to be born in the land of Amitāyus Buddha all dwell in the stage of non-retrogression for realizing highest, perfect enlightenment. They have already been born, are now being born, or will be born in that land.

Hence, Śāriputra, good men and women of faith should aspire to birth there.

13

Xá-Lợi-Phất! Như ta hôm nay ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn của Chư Phật, và Chư Phật cũng ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn của Ta như: “Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm được việc rất khó khăn, rất ít có ngay trong cõi Ta Bà đầy năm ác trược: kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược, mạng trược, Ngài chứng được ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh Ngài nói pháp này [mà] tất

13

“Śāriputra, just as I now praise the inconceivable virtue of other Buddhas, they also praise my inconceivable virtue, saying, ‘SAKYAMUNI Buddha, you have accomplished an extremely difficult and unprecedented task. In this Sahā world, during the evil period of the five defilements—those of time, views, passions, sentient beings, and lifespan—you have attained highest, perfect enlightenment and, for the sake of sentient beings, have delivered this teaching which is the most difficult in the world to accept in faith.’

cả thế gian đều khó tin”.

Xá-Lợi-Phất! Phải biết rằng trong đời ác năm trước thật hành việc khó này: Ta thành bậc Vô Thượng Chánh Giác thật khó thay vì tất cả thế gian Ta nói pháp khó tin này[15]

“Śāriputra, you must realize that I have accomplished this difficult task during the period of the five defilements. That is to say, having attained highest, perfect enlightenment, I have for the sake of the world delivered this teaching, which is so hard for [people] to accept in faith. This is indeed an extremely difficult task.”

14

Đức Phật nói kinh này xong, ngài Xá-Lợi-Phất cùng các vị Tỳ kheo, tất cả trong đời: Trời, Người, A-Tu-La, v.v... nghe lời của đức Phật dạy, đều vui mừng tin nhận đánh lễ mà lui ra.

14

When the Buddha had delivered this sutra, Śāriputra and all the monks, together with beings of the whole world, including devas, humans, and asuras, rejoiced at what they had heard and reverently accepted it. Having worshiped him, they departed.

End of The Sutra on Amitāyus Buddha
Delivered by SAKYAMUNI Buddha

15

Giáo Chủ cõi Tây Phương
Đức Phật A Di Đà
Phát bốn mươi tám nguyện
Hướng dẫn đường chúng sanh
Đài sen rực rỡ sẵn sàng
Quán Âm, Thế Chí, hai hàng tiếp
nghinh
Nam mô Tịnh Độ Phẩm Bồ Tát (3 lần)
Ma ha tát

15

The Master from the Western Land
Named Amitabha
Has his forty-eight powerful vows
As the mean for all sentient beings
To make their glorious lotus ready
For Avalokiteśvara and
Mahāsthāmaprāpta to welcome them.
Namo Pure land grade Bodhisattva
(3 times)
Mahasattva

16

A-DI-ĐÀ PHẬT TÁN:

Tây-phương Giáo-Chủ Tịnh-độ
năng Nhơn,

Tứ thập bát nguyện độ chúng-
sinh,

Phát nguyện thệ hoằng thâm.

Thượng-phẩm thượng-sanh,
Đồng phó Bửu-Liên thành.

16

**ĐẢNH LỄ 12 DANH HIỆU
PHẬT A DI ĐÀ**

CHỈ TÂM ĐẢNH LỄ:

(Mỗi câu đều đọc)

1.- Nam-mô An-Dur̃ng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội, Vô-
Lượng-Quang Như-Lai.

2.- Nam-mô An-Dur̃ng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội, Vô-
Biên-Quang Như-Lai.

3.- Nam-mô An-Dur̃ng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội, Vô-
Ngại-Quang Như-Lai.

4.- Nam-mô An-Dur̃ng quốc,

Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội, Vô-
Đối-Quang Như-Lai.

5.- Nam-mô An-Durõng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội,
Diêm-Vương-Quang Như-Lai.

6.- Nam-mô An-Durõng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội,
Thanh-Tịnh-Quang Như-Lai.

7.- Nam-mô An-Durõng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội,
Hoan-Hỉ-Quang Như-Lai.

8.- Nam-mô An-Durõng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội, Trí-
Huệ-Quang Như-Lai.

9.- Nam-mô An-Durõng quốc,

Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội,
Nan-Tur-Quang Như-Lai.

10.- Nam-mô An-Dur̄ng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội, Bất-
Đoạn-Quang Như-Lai.

11.- Nam-mô An-Dur̄ng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội, Vô-
Xung-Quang Như-Lai.

12.- Nam-mô An-Dur̄ng quốc,
Cực-lạc giới Di-Đà Hải-hội,
Siêu-Nhật-Nguyệt-Quang Như-
Lai.

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Khi Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa pháp Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, qua hết thấy khổ ách.

“Này Ông Xá Lợi Phất, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng đều như thế”.

“Này Ông Xá Lợi Phất, 'tướng không của mọi pháp' không sanh,

The Heart Of Prajñā Pāramitā Sūtra

Bodhisattva Avalokiteśvara, while deeply immersed in Prajñā Pāramitā, clearly perceived the empty nature of the five skandhas, and transcended all sufferings.

Sāriputra, form is not different from emptiness, emptiness is not different from form. Form is emptiness, emptiness is form. So, it is with feeling, conception, volition, and consciousness.

Sāriputra, all dharmas are empty in character; neither arising nor ceasing,

không diệt, không dơ, không sạch, không thêm, không bớt, nên trong 'chân không', không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới, không có vô minh, cũng không có cái hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có cái hết già chết, không có khổ, tập, diệt, đạo, không có trí huệ, cũng không có chứng đắc.

neither impure nor pure, neither increasing nor decreasing. Therefore, in emptiness, there is no form; there is no feeling, conception, volition, or consciousness; no eye, ear, nose, tongue, body, or mind; no form, sound, smell, taste, touch, or dharma; no realm of vision, and so forth, up to no realm of mind-consciousness; no ignorance or ending of ignorance, and so forth, up to no aging and death or ending of aging and death. There is no suffering, no cause, no extinction, no path. There is no wisdom and no attainment. There is nothing to be attained.

Vì không có chỗ chướng ngại, nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại, nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo, mộng tưởng, đạt tới cứu cánh Niết Bàn. Chư Phật trong ba đời cũng y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nên biết Bát Nhã Ba La Mật Đa là Đại Thần Chú, là Đại Minh Chú, là Vô Thượng Chú, là Vô Đẳng Đẳng Chú, trừ được hết thảy khổ, chân thật không hư”.

By way of Prajñā Pāramitā, the Bodhisattva’s mind is free from hindrances; with no hindrance, there is no fear; freed from all distortion and delusion, ultimate Nirvana is reached. By way of Prajñā Pāramitā, all Buddhas of the past, present, and future attain Anuttarā Samyak-sambodhi.

Therefore, Prajñā Pāramitā is the great powerful mantra, the great enlightening mantra, the supreme and peerless mantra. It can remove all sufferings.

Vì vậy, liền nói Chú Bát Nhã Ba
La Mật Đa:

“Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la
tăng yết đế, bồ đề tát bà ha”. (3
lần)

This is the truth beyond all doubts.
And the Praiñā Pāramitā mantra is spoken
thus:

Gate gate pāragate pārasamgate Bodhi
svāhā. (3 times)

**VÃNG-SANH QUYẾT-ĐỊNH
CHƠN-NGÔN:**

Nam-mô a di đa bà dạ,
Đa tha dà đa dạ,
Đa địa dạ tha.
A di rị đô bà tỳ,
A di rị đa tất đām bà tỳ,
A di rị đa tì ca lan đế,
A di rị đa, tì ca lan đa,
Dà di nị dà dà na,
Chỉ đa ca lệ ta bà ha.

**The dharani for rebirth in the
Western Pure Land**

Namo Amitābhā
Tathāgatāya
Tadyathā
amṛtabhave
amṛta saṃbhave
amṛta vikrānte
amṛta vikrānta
gāmini gagana
kīrtichare Svāhā (3 times)

SÁM NHẤT TÂM:

Một lòng quy kính,
Phật A Di Đà,
Thế giới Cực Lạc,
Nguyện lấy hào quang,
Trong sạch soi con,
Lấy thệ Từ bi,
Mà nhiếp thọ con,
Con nay chánh niệm,
Niệm hiệu Như Lai,
Vì đạo Bồ đề,
Cầu sinh Tịnh độ.
Phật xưa có thệ :

“Nếu có chúng sanh
Muốn sanh nước ta,
Hết lòng tín nguyện,
Cho đến mười niệm,
Nếu chẳng đặng sanh
Chẳng thành Chánh Giác”.
Do vì nhân duyên,
Niệm hiệu Phật này,
Được vào trong bể,
Đại thế Như Lai,
Nhờ sức Từ bi,
Các tội tiêu diệt,
Căn lành tăng trưởng.
Khi mạng gần chung,
Biết trước giờ chết,

Thân không bệnh khổ,
Tâm không tham luyến,
Ý không điên đảo,
Như vào thiên định.
Phật và Thánh chúng,
Tay nâng kim đài,
Cùng đến tiếp dẫn,
Trong khoảng một niệm,
Sanh về Cực Lạc,
Sen nở thấy Phật,
Liên nghe Phật thừa,
Chóng mở Phật tuệ,
Khắp độ chúng sinh,
Trọn Bồ đề nguyện.

**VÃNG-SANH QUYẾT-ĐỊNH
CHƠN-NGÔN:**

Nam-mô a di đa bà dạ,
Đa tha dà đa dạ,
Đa địa dạ tha.
A di rị đô bà tỳ,
A di rị đa tất đām bà tỳ,
A di rị đa tì ca lan đế,
A di rị đa, tì ca lan đa,
Dà di nị dà dà na,
Chỉ đa ca lệ ta bà ha.

**The dharani for rebirth in the
Western Pure Land**

Namo Amitābhā
Tathāgatāya
Tadyathā
amṛtabhave
amṛta saṃbhave
amṛta vikrānte
amṛta vikrānta
gāmini gagana
kīrtichare Svāhā (3 times)

QUI TẮC TU HỌC

LỜI KHAI THỊ CỦA ĐẠI SƯ ẨM QUANG

Không luận xuất gia tại gia, đều phải trên kính dưới hòa,

nhẫn điều người không thể nhẫn, làm việc người không thể làm,

chịu thay khổ nhọc thành tựu việc tốt cho người.

Ngồi yên thường xét lỗi mình,

BUDDHIST PRACTICES GUIDELINE

Thoughts of Patriarch Yin Guang

Either a monastic or a layperson, all need to respect elders to live harmoniously with everyone around.

Forbear what others cannot and do what others cannot.

I work hard for the benefits of the great achievements of sentient beings.

In spare time, self-inspect our own faults,



Luận bàn đừng chê kẻ khác.

Đi đứng nằm ngồi ăn cơm mặc áo, từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, một câu niệm Phật hoặc niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, không cho gián đoạn.

Ngoài niệm Phật ra không khởi niệm khác.

Nếu như vọng niệm chợt sinh, ngay đó liền phải dứt trừ.

Within discussion, never dislike others.

In every action, from dawn to dusk and dusk to dawn, chant the Buddha's name wholeheartedly, loud or silent, without disruption.

Besides thinking and chanting the Buddha's name wholeheartedly, do not arise to any other wandering thoughts.

Any wandering thoughts arise, immediately put them out.

Thường luôn hổ thẹn sám hối lỗi lầm. Dù có tu trì vẫn thấy mình khiêm khuyết, không được kiêu căng,

Chỉ xét lỗi mình, không vạch lỗi người.

Chỉ nhìn cái hay, không tìm điều dở.

Luôn nghĩ tất cả đều là Bồ Tát, chỉ ta là kẻ phàm phu.

Nếu y lời này dụng công tu hành,

Constantly maintain a modest and regretful heart. Even if we have upheld true cultivation, we still need to feel that our practice is shallow and never boast.

Always inspect your own mistakes, never try to find at others.

See only positive things, do not look for negative ones.

Always consider others as bodhisattvas, but ourselves being as ordinary.

Practice accordingly to these teachings,



quyết định vĩnh sinh Tây Phương
Cực Lạc Quốc

affirmatively one reaches the Western Pure
Land of Ultimate Bliss.

Xin thường niệm NAM MÔ A DI
ĐÀ PHẬT

Please chant wholeheartedly without
disruption NAMO AMITABHA.